

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **10-5-2021**

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10-5-2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/TLST-HNGĐ 05-11-2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-3-2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1974; nơi cư trú: 1Ô1/5 khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (**vắng mặt**)

-Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1974; HKTT: tổ 11/7Ô2, khu phố 2, thị trấn 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: 1Ô1/5 khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (**vắng mặt**)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Quốc V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, được UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ cấp chứng nhận kết hôn số 144, quyền số 01 ngày 28/5/2009 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3;

Bà N và ông V chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông V ngoại tình, bà N bắt quả tang và ông V thừa nhận đã ngoại tình 06 năm, bà N khuyên can, ông V có hứa hẹn nhưng ông V vẫn tiếp tục ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai lấy sống, mục đích hôn nhân không có nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà N và ông V có 03 con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 28/5/2000, Nguyễn Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 09/01/2003 và Nguyễn Huỳnh Anh T2, sinh ngày 21/7/2010 hiện các con chung đang sống cùng bà N. Cháu T và cháu T1 đã thành niên, bà N yêu cầu Tòa án giao cháu T2 bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Ông Nguyễn Quốc V được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông V.

-Cháu Nguyễn Huỳnh Anh T2 có nguyện vọng được sống cùng bà N.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà N và ông V là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định giữa hai bên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, hai bên đã ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau được, vì thế hai bên không thể về chung sống hạnh phúc bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Bà N và ông V có 03 con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 28/5/2000, Nguyễn Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 09/01/2003 và Nguyễn Huỳnh Anh T2, sinh ngày 21/7/2010 hiện các con

chung đang sống cùng bà N; cháu T, cháu T1 đã trưởng thành, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với bà N nên cần giao cháu T2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N, ông V không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bà N yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên xác định đây là quan hệ pháp luật cần giải quyết: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; ông V có địa chỉ tạm trú tại huyện Đất Đỏ, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đất Đỏ.

[1] **Về người tham gia tố tụng:** Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; bị đơn ông V được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông V.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] **Về hôn nhân:** Bà N và ông V được Ủy ban nhân dân **UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà N, ông V là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] **Về yêu cầu ly hôn:** Bà N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông V ngoại tình, bà N khuyên can và cho ông V cơ hội sửa sai, nhưng vẫn tiếp tục ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc; bà N và ông V tuy còn chung nhà nhưng đã sống ly thân, mạnh ai lấy sống. Cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông V đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông V.

[2.3] **Về nuôi con chung:** Bà N và ông V có 03 con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 28/5/2000, Nguyễn Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 09/01/2003 và Nguyễn Huỳnh Anh T2, sinh ngày 21/7/2010 hiện các con chung

đang sống cùng bà N; bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con*” nhưng ông V không có mặt tại phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này. Tuy bà N không có tài liệu chứng minh về thu nhập của mình nhưng từ khi vợ chồng ly thân, các con chung được bà N chăm lo việc học tập đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, đồng thời cháu T2 có nguyện vọng được sống cùng bà N. Do đó, để đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt của con chung được ổn định, phù hợp với lợi ích của con chung HĐXX giao cháu T2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] **Về cấp dưỡng cho con:** Bà N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, quyết định.

[2.5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Do bà N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, quyết định.

[3] **Về tài liệu chứng cứ:** Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[4] **Về án phí:** Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

[5] **Về kháng cáo, kháng nghị:** Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với ông Nguyễn Quốc V về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

1.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huỳnh Anh T2, sinh ngày 21/7/2010 cho đến khi con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền

và nghĩa vụ nuôi con theo quy định pháp luật; ông Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn bà N, ông V đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà N và những người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, quyết định do bà Huỳnh Thị N không có yêu cầu.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004512 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 10-5-2021**). Nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đất Đỏ;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn 1 (CNKH 144 ngày 28/5/2009);
- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

Nguyễn Duy Đạt